

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HS-ST

Ngày 27-11-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Huyền Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cù Đức Hùng

Ông Lang Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hải Yên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vi Ngọc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐHPT-HS, ngày 30/10/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lữ Văn Q**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/12/1973 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không học; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lữ Văn T (Đã chết) và con bà Lữ Thị T (Đã chết); Vợ: Lò Thị T, sinh năm: 1975, con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lô Văn X**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/11/1978 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không học; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lô Văn H (Đã chết) và con bà Lương Thị M (Đã chết); Vợ: Vi Thị L, sinh năm: 1977, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

3.Họ và tên: **Lương Văn T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/08/1977 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không học; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Văn B (Đã chết), sinh năm: 1957 và con bà Lô Thị T, sinh năm: 1957; Vợ: Vi Thị K, sinh năm: 1988, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

4.Họ và tên: **Vi Văn Đ**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/08/1988 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn Đ, sinh năm: 1957 và con bà Lò Thị P, sinh năm: 1957; Vợ: Lô Thị H, sinh năm: 1988, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

5.Họ và tên: **Vi Văn T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26/06/1983 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn Đ, sinh năm: 1956 và con bà Lò Thị P, sinh năm: 1957; Vợ: Vi Thị N, sinh năm: 1984, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

6. Họ và tên: **Vi Văn Đ1**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22/06/1999 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn Sơn, sinh năm: 1967 và con bà Lô Thị Miên, sinh năm: 1977; Vợ: Hà Thị Mai, sinh năm: 2001, con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2025 (Con nhỏ mới sinh tháng 7/2025, sinh sau khi bị cáo bị bắt); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ

ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

7. Họ và tên: **Lương Văn Q**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/11/1987 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Văn L (Đã chết) và con bà: Lò Thị L, Sinh năm: 1951; Vợ: Lò Thị M, sinh năm: 1988, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

8. Họ và tên: **Vi Văn Đ2**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18/11/1989 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn T (Đã chết) và con bà Lô Thị T, sinh năm: 1957; Vợ: Lương Thị P, sinh năm: 1989, con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

9. Họ và tên: **Lữ Văn A**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 25/12/1991 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lữ Văn C, sinh năm: 1971 và con bà Vi Thị T, sinh năm: 1974; Vợ: Lò Thị Th, sinh năm: 1995, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

10. Họ và tên: **Lữ Văn P1**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/08/1994 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lữ Văn Q, sinh năm: 1973 và con bà Lò Thị T, sinh năm: 1975; Vợ: Vi Thị T, sinh năm: 1994, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

11. Họ và tên: **Vi Văn T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21/09/1980 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn C, (Đã chết) và con bà Lò Thị K (Đã chết); Vợ: Lò Thị V, sinh năm: 1984, con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

12. Họ và tên: **Hà Văn P**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20/10/1985 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn T (Đã chết) và con bà: Lò Thị L (Đã chết); Vợ: Lữ Thị M, sinh năm: 1986, con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

13. Họ và tên: **Lương Văn N**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 13/03/1973 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không học; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Văn L (Đã chết) và con bà Lò Thị L, Sinh năm: 1951; Vợ: Lò Thị T, sinh năm: 1975, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

14. Họ và tên: **Hà Văn N**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/10/1987 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn T, sinh năm: 1965 và con bà Vi Thị C, sinh năm: 1965; Vợ: Vi Thị L, sinh năm: 1987, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

15. Họ và tên: **Lữ Văn P2**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23/11/1976 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lữ Văn T (Đã chết) và con bà Lò Thị K, sinh năm: 1947; Vợ: Lò Thị P, sinh năm: 1979, con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

16. Họ và tên: **Lô Văn T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06/11/1966 tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không học; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lô Văn C (Đã chết) và con bà Lô Thị É (Đã chết); Vợ: Lữ Thị H, sinh năm: 1967, con: 05 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 06/07/2025 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1, Bà Nguyễn Thị Quỳnh T, Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh số 2 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2, Bà Nguyễn Thị T, Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh số 2 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bị hại ông Ngân Văn Đ, sinh năm 1967

2. Bị hại và người đại diện theo ủy quyền của ông Ngân Văn Đồng: Bà Vi Thị K, sinh năm: 1967.

Đều trú tại: Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 25/6/2025, Lô Văn X, Vi Văn Đ và Lữ Văn Q ngồi uống rượu với nhau tại nhà Lữ Văn Q thì Lữ Văn Q và Lô Văn X nói đến việc lúc chiều cùng ngày, Q và X đi vào rừng tìm bắt ong thì thấy có 04 (Bốn) con trâu không biết của ai tại khu vực Khe Súng thuộc Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An nên ba người rủ nhau gọi thêm người vào bắt trộm 04 con trâu nói trên để giết thịt chia nhau.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Lữ Văn Q gọi điện thoại nói Lương Văn T đến nhà Q uống rượu, Lương Văn T đồng ý và rủ Vi Văn T đi cùng (Lương Văn T và Vi Văn đang ngồi ăn cơm cùng nhau). Lương Văn T cầm theo 01 (Một) con dao bằng kim loại màu đen, loại dao đầu bằng, dài khoảng 47cm rồi cùng Vi Văn T đến nhà Q. Khi đến nhà Q, Lương Văn T và Vi Văn T cùng

vào ngồi uống rượu với mọi người thì nghe Q và X nói chuyện về việc thấy 04 (Bốn) con trâu lạ, không biết của ai, đến tại khu vực rừng Khe Súng nên rủ mọi người đi bắt trộm trâu làm thịt chia nhau thì Lữ Văn Q, Lô Văn X, Vi Văn Đ, Lương Văn T và Vi Văn T đều đồng ý tham gia. Lúc đó, Lữ Văn Q nói thêm: “Xem có ai muốn đi cùng thì liên lạc rủ thêm người cùng đi”.

Vào khoảng 21 giờ cùng ngày, Vi Văn Đ1 đang ngồi uống bia tại quán Hải Lan thuộc Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An thì Lô Văn X dùng điện thoại của Lương Văn T gọi điện nói cho Đ1 biết có mấy con trâu lạ đến và rủ Đ2 đi bắt trộm trâu làm thịt, Đ2 đồng ý rồi từ quán bia chạy về nhà cầm theo 01 (một) con dao dài khoảng 50cm màu đen, cán dao bằng gỗ đi đến nhà Lữ Văn Q. Tiếp theo, Lô Văn X gọi điện cho Lương Văn Q rủ Quang đến nhà Q để tham gia trộm trâu làm thịt thì Quang đồng ý. Tiếp đến, Lương Văn T dùng điện thoại của mình gọi điện cho Lữ Văn A, lúc này Anh đang ở nhà Vi Văn T uống rượu cùng Tuấn và Hà Văn P. Lương Văn T hỏi Lữ Văn A: “Có đi bắt trộm trâu lạ không biết của ai đi lạc ở trong rừng Khe Súng về làm thịt ăn không, nếu đi thì lên nhà Q tập trung rồi đi”, Anh nghe vậy thì đồng ý tham gia. Lữ Văn A nói lại nội dung Thanh rủ đi bắt trộm trâu lạ làm thịt chia nhau với Vi Văn T và Hà Văn P thì Tuấn và Phong đều đồng ý tham gia, đồng thời Lữ Văn A gọi điện thoại cho Hà Văn N và Lữ Văn P1 (sinh năm 1994) rủ Nam và P1 đem theo dao và bì xác rắn vào khu vực Khe Súng để bắt trộm trâu lạ làm thịt chia nhau thì Nam và P1 đồng ý. P1 lấy trong nhà 01 (Một) con dao bằng kim loại màu đen dài khoảng 40cm rồi đi đến nhà Lữ Văn Q, còn Lữ Văn A cùng Vi Văn T, Hà Văn P, Hà Văn N cũng đi đến nhà Lữ Văn Q.

Vào khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Lương Văn T gọi điện thoại cho Lương Văn N nói “Có đi bắt trộm trâu lạ ở trong rừng về làm thịt ăn thì tập trung về nhà Q để đi cùng những người khác”, nghe vậy thì N đồng ý tham gia rồi mang theo 01 (Một) con dao dài khoảng 45 cm, lưỡi dao bằng kim loại, cạnh dao sắc nhọn đi đến nhà Q. Cùng thời điểm này, Vi Văn T liên lạc rủ Vi Văn Đ2 mang theo dao vào khu vực rừng keo để bắt trộm trâu lạ làm thịt thì Đào cũng đồng ý và mang theo 01 (Một) con dao dài 48cm, loại dao đầu bằng, phần lưỡi dao bằng kim loại một cạnh sắc dài 34cm rồi đến gặp Vi Văn T rồi cùng đến nhà Lữ Văn Q.

Khoảng hơn 21 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà Lữ Văn Q lúc này có 07 (Bảy) người gồm: Lữ Văn Q, Lô Văn X, Lương Văn T, Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn Đ1 và Lương Văn Q, thì X nói lại với những người có mặt tại đó là: “Anh thấy có bốn con trâu lạ, bây giờ có đi bắt trộm lấy thịt không?”, thì tất cả những người có mặt đều đồng ý tham gia. Sau đó, Lô Văn X về nhà lấy 01 (Một) con dao dài khoảng 40 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 25cm rồi quay lại nhà Q. Lúc này cả hội 07 người nói trên thống nhất cùng đi vào rừng tìm đàn trâu để

giết thịt, Lô Văn X và Lữ Văn Q biết chỗ đàn trâu đến ở nên dẫn đường cho những người khác đi theo. Vi Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đỏ đen, biển kiểm soát 37G1-082.94; Vi Văn Đ1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu TAURUS, màu đen bạc, biển kiểm soát 37N8-6866; Lương Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát 37X8-0753; Lương Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 37G1-132.09 cùng Lô Văn X, Vi Văn T, Lữ Văn Q để đi đến khu vực Khe Súng để giết trộm trâu làm thịt như đã bàn bạc. Khi cả nhóm vừa ra khỏi cổng nhà Q thì gặp Vi Văn Đ2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát 37G1-77684 đi đến, Đ2 biết mọi người đang trên đường đi trộm trâu làm thịt nên cùng tham gia.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, nhóm gồm 08 (tám) người nói trên đi đến ven rừng thì dựng xe máy ở bên đường rồi cùng nhau đi sâu vào khu vực rừng keo vùng Khe Súng, Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An thì thấy 04 (Bốn) con trâu màu đen, trong đó có 02 (Hai) con trâu mẹ, 01 (Một) con trâu đực nhỏ (Nghé đực) và 01 (Một) con trâu cái nhỏ (Nghé cái). Lúc này cả nhóm vây bắt thì đàn trâu bỏ chạy. Lô Văn X, Vi Văn Đ2, Lương Văn Q, Lương Văn T, Lữ Văn Q rượt đuổi theo 01 con nghé đực rồi Lương Văn Q dùng dao chém chết con nghé đực đó và cả nhóm mổ xẻ thịt con nghé đực này tại chỗ. Sau đó, Lương Văn T, Vi Văn Đ2 cùng với Vi Văn T, Vi Văn Đ1 rượt đuổi 01 con trâu mẹ và 01 con nghé cái, Vi Văn Đ1 dùng dao chém chết con trâu mẹ và Vi Văn Đ2 dùng dao chém chết con nghé cái rồi cả nhóm cùng xẻ thịt trâu, còn 01 (Một) con trâu mẹ khác thì bỏ chạy được.

Khi cả nhóm gồm 08 người nói trên đang xẻ thịt 03 con trâu vừa chém chết thì có 06 (Sáu) người gồm: Lữ Văn P1 (sinh năm 1994) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu PS moto, màu đỏ, mang biển kiểm soát 37G1-013.06; Lữ Văn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển kiểm soát 37G1 – 114.71; Vi Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 37Z2-8552; Hà Văn P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius RC, màu đen, biển kiểm soát 37X4-4692; Lương Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát 37X8-0753 và Hà Văn N cùng đi đến và tham gia xẻ thịt trâu cùng nhóm đi trước. Lữ Văn A và Lương Văn N sử dụng dao để xẻ thịt con trâu mẹ và con nghé cái, Hà Văn N vào phụ giúp giữ trâu mẹ cho những người khác xẻ thịt; Hà Văn P, Lữ Văn Phương (sinh năm 1994) cùng với Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ và Vi Văn Đ2 cho số thịt trâu mà những người khác vừa xẻ ra vào các bì xác rắn mang theo để chở về nhà Quý; Vi Văn T giữ trâu để hỗ trợ những người khác xẻ thịt và phụ giúp đẩy xe mô tô của Đ1 và P1 khi chở thịt Trâu đi lên dốc.

Sau khi xẻ thịt xong, cả nhóm gồm 14 (Mười bốn) người nói trên vận chuyển số thịt của 03 con trâu về tại nhà Lữ Văn Q, trong đó Hà Văn P, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ, Lữ Văn P1 (sinh năm 1994) mỗi người điều khiển một xe mô tô chở 02 (hai) chuyển thịt trâu; Vi Văn Đ2 điều khiển xe mô tô chở 01 (một) chuyển thịt trâu đưa về tập kết tại sân nhà Quỳ.

Khi về đến nhà Lữ Văn Q thì có Lô Văn T và Lữ Văn P2 cũng có mặt tại nhà Quỳ. Sau đó, Hà Văn N về nhà lấy 01 (Một) chiếc cân đồng hồ lò xo, loại 30kg, nhãn hiệu "SAIGON", màu X để cân chia thịt. Cả nhóm chia số thịt trâu trộm được thành 16 (mười sáu) phần, mỗi phần khi cân lên được từ 13 kg (mười ba kilogam) cho đến 20 kg (hai mươi kilogam) bao gồm thịt, da và xương cho 16 (mười sáu) người có mặt tại đó (trong đó có phần của T và P2 là những người đến sau cùng) để mang về nhà sử dụng. Trước khi đến nhà Lữ Văn Q thì Lô Văn T và Lữ Văn P2 (sinh năm 1976) không biết việc những người trên đi giết trộm trâu người khác và cũng không được hứa hẹn gì trước về việc chia thịt, nhưng khi đến nhà Q lúc đó T và P2 biết số thịt trâu này là do 14 người nêu trên trộm cắp và giết thịt mà có và được chia phần nên cả hai đều đồng ý nhận phần thịt được chia đưa về nhà sử dụng. Sau khi chia thịt trâu xong, một số người nhận phần thịt được chia rồi đưa về nhà, còn một số người khác thì ở lại nhà Lữ Văn Q nấu thịt trâu ăn, uống rượu một lúc rồi đi về.

Thấy 03 (ba) con trâu của gia đình mình không về chuồng nên sáng ngày 26/6/2025, bà Vi Thị K, sinh năm 1967, trú tại bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An đi tìm kiếm tại khu vực Khe S thuộc Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An thì phát hiện thấy nhiều dấu vết máu còn mới vương khắp mặt cỏ và có phân trâu được xả ra gần đó. Nghi ngờ đây là hiện trường giết mổ xẻ thịt 03 con trâu bị mất của gia đình mình nên bà K đã trình báo sự việc với cơ quan chức năng.

Đến ngày 27/6/2025, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Lữ Văn Q, Lô Văn X, Lương Văn T, Vi Văn Đ, Vi Văn Tam, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2, Hà Văn N, Lữ Văn P1 (sinh năm 1994), Lữ Văn A, Vi Văn T, Lương Văn N, Hà Văn P, Lô Văn T và Lữ Văn P2 (sinh năm 1976) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Nghệ An đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và các đồng phạm, đồng thời giao nộp vật chứng, tài sản, đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội (BL 702- 1031 HSVA).

Ngày 30/06/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An trưng cầu định giá tài sản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An tiến hành định giá đối với 03 (Ba) con trâu bị giết tại thời điểm tháng 6 năm 2025. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 02/07/2025 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Nghệ An, kết luận: *Giá trị tài sản 03 (ba) con Trâu tại thời điểm tháng 6/2025, có giá trị*

là: 37.667.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng chẵn).

Gia đình bị hại đã được bồi thường số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS-KV10 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 đã truy tố các bị cáo Lữ Văn Q, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2, Hà Văn N, Lô Văn X, Lương Văn T, Vi Văn Đ, Vi Văn T, Lữ Văn P1 (1994), Lữ Văn A, Vi Văn T, Lương Văn N, Hà Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự; các bị cáo Lô Văn T, Lữ Văn P2 về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: các bị cáo Lữ Văn Q, Lô Văn X, Vi Văn Đ mỗi bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: Các bị cáo Lương Văn T, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2 từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vi Văn T 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 9 ngày tạm giữ sẽ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Vi Văn T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt: các bị cáo Lữ Văn A; Lữ Văn Phương (1994); Vi Văn T, Hà Văn P, Lương Văn N, Hà Văn N xử phạt 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 9 ngày tạm giữ sẽ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt: các bị cáo Lữ Văn P2 (1976); Lô Văn T xử phạt 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 9 ngày tạm giữ sẽ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng vụ án:

+ Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước: 12 chiếc điện thoại di động thu giữ của Lữ Văn P1, Vi Văn Đ, Lương Văn N, Vi Văn Đ1, Hà Văn N, Lương Văn T, Lữ Văn P2, Vi Văn T, Vi Văn Đ2, Lữ Văn Q, Lữ Văn A, Lương Văn Q.

+ Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại:

01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đen, biển kiểm soát 37X8-0753 cho Lương Văn N; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển kiểm soát 37G1-13382 cho Lữ Văn A; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, màu X nhạt, biển kiểm soát 37G1-11471 cho Lương Văn Q; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu đỏ đen, biển kiểm soát 37G1-132.09 cho Lương Văn T; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đỏ đen, biển kiểm soát 37G1-082.94 cho Vi Văn Đ; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại sirius RC, biển kiểm soát 37X4-4692, màu sơn đen cho Hà Văn P; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu đen, biển kiểm soát 37G1-776.84 cho Vi Văn Đ2; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, màu đen bạc, biển kiểm soát 37N8-6866 cho Vi Văn Đ1; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 37Z2-8552 cho Vi Văn T.

+ Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; tịch thu tiêu hủy: 09 con dao bằng kim loại thu giữ của Lương Văn N; Lữ Văn Q; Lương Văn T; Lữ Văn P1 (sinh năm 1994); Lương Văn Q; Vi Văn Đ2; Lữ Văn A; Vi Văn Đ1; Lô Văn X và 01 (Một) cân đồng hồ lò xo thu giữ của Hà Văn N.

Về dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền đền bù thiệt hại nên không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lương Văn Q, Lữ Văn P1 (1994), Hà Văn P, Vi Văn Đ2, Lữ Văn A, Hà Văn N, bị cáo Vi Văn T.

Buộc bị cáo Lữ Văn Q, Lô Văn X, Vi Văn Đ, Lương Văn T, Vi Văn Đ1, Vi Văn T, Lương Văn N, Lữ Văn P2 (1976), Lô Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa không có ý kiến tranh luận với Bản luận tội và đề xuất Hội đồng xét xử:

*Áp dụng khoản 1 điều 173; các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, điều 51; điều 65, điều 58 BLHS để xử phạt: Lữ Văn Q từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Lô Văn X, Vi Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

*Áp dụng khoản 1 điều 173; các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, điều 51; điều 36, điều 58 BLHS xử phạt: Lương Văn T, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2 từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Lữ Văn A, Lữ Văn P1 (1994), Vi Văn T, Hà Văn P, Lương Văn N, Hà Văn N từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ.

*Áp dụng khoản 1 điều 173; các điểm b, i, s, p khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36, điều 58 BLHS để xử phạt Vi Văn T 06 tháng cải tạo không giam giữ.

*Áp dụng khoản 1 điều 323; các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, điều 51; điều 36, điều 58 BLHS để xử phạt bị cáo Lữ Văn P2 (1976), Lô Văn T mỗi bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ.

*Về phần dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại 65.000.000đ (sáu mươi lăm) triệu đồng đến nay bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

*Về hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại xe mô tô cho các bị cáo Vi Văn Đ1; Lương Văn N; Hà Văn P; Vi Văn T; Lữ Văn A; Vi Văn Đ; Lương Văn Q; Lương Văn T; Vi Văn Đ2, mô tả vật chứng có trong hồ sơ vụ án.

Miễn án phí HSST cho các bị cáo: Hà Văn N; Lữ Văn A; Vi Văn Đ2; Hà Văn P; Vi Văn T; Lương Văn Q; Lữ Văn P1.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng trước Hội đồng xét xử vào phòng nghị án các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Nghệ An quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra các bị hại đã có ý kiến trình bày đầy đủ, đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có ý kiến gì thêm, nên việc vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng

đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 22 giờ ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại khu vực Khe Súng thuộc địa bàn Bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Lữ Văn Q, Lô Văn X, Lương Văn T, Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2, Lữ Văn A, Lữ Văn P1 (sinh năm 1994), Vi Văn T, Hà Văn P, Lương Văn N, Hà Văn N đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) con trâu cái, lông màu đen, khoảng 5 năm tuổi, nặng khoảng 1,5 tạ, sừng dài 20cm, có giá trị là: 17.333.000 đồng; 01 (Một) con trâu cái, lông màu đen, khoảng 2 năm tuổi, nặng khoảng 3 tạ, sừng dài 50cm, có giá trị là 10.667.000 đồng; 01 (Một) con trâu đực, lông màu đen, khoảng 2 năm tuổi, nặng khoảng 1,3 tạ, sừng dài 50cm, có giá trị là 9.667.000 đồng của gia đình bà Vi Thị K (sinh năm 1967, trú tại bản T, xã Q, tỉnh Nghệ An) rồi làm thịt chia nhau đưa về nhà sử dụng. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 37.667.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Sau khi các đối tượng (14 người) nói trên đưa số thịt trâu về nhà Lữ Văn Q tập kết để chia nhau thì Lữ Văn P (sinh năm 1976) và Lô Văn Thủy cũng đi đến nhà Q, mặc dù biết rõ thịt trâu là do 14 bị cáo nêu trên phạm tội mà có nhưng P2 và T vẫn tiêu thụ (lấy phần thịt trâu được chia đem về nhà sử dụng).

Hành vi các bị cáo Lữ Văn Q, Lô Văn X, Lương Văn T, Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2, Lữ Văn A, Lữ Văn P1 (1994), Vi Văn T, Hà Văn P, Lương Văn N, Hà Văn N đã thực hiện, trị giá tài sản bị chiếm đoạt đã cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Lữ Văn P2 (1976) và Lô Văn T đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 đã truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều luật, viện dẫn ở trên là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, tổ chức chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ rủ rê tự phát, bộc phát khi thấy tài sản không có người trông coi, mọi người tham gia trên cơ sở rủ rê miệng, tự nguyện cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó hành vi của các bị cáo chỉ thể hiện ý chí đồng phạm giản đơn.

[4.1] Nhóm bị cáo có vai trò lớn trong vụ án:

Bị cáo Lữ Văn Q là người cùng bị cáo Lô Văn X phát hiện đàn Trâu của bà Vi Thị K thả rông trong rừng và nảy sinh ý định trộm cắp. Chính bị cáo là người rủ rê gọi điện cho một số bị cáo khác tham gia và trực tiếp tham gia vào việc đuổi bắt, giết, xẻ thịt và chia thịt Trâu. Hành vi của bị cáo giữ vai trò tích cực quan trọng nhất vụ án, là người có ý chí quyết định trong việc hình thành hành vi phạm tội nên cần lên mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là thỏa đáng.

Bị cáo Lô Văn X cùng Q phát hiện đàn Trâu, đồng ý thực hiện và tham gia bắt, giết trâu. Vai trò của bị cáo được xác định là thực hành tích cực sau Q nên bị cáo X sẽ phải chịu hình phạt thấp hơn bị cáo Q nhưng sẽ cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Vi Văn Đ mặc dù không phải là người phát hiện tài sản, nhưng khi Q và X rủ đi trộm thì Đ1 đồng ý ngay, tham gia từ giai đoạn đầu, trực tiếp tham gia đuổi bắt, giết và xẻ thịt trâu. Hành vi của bị cáo là thực hành tích cực, bị cáo có vai trò sau Q, gần bằng với X, nhưng cao hơn những bị cáo được gọi đến sau, nên phải chịu hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội.

[4.2] Nhóm bị cáo thực hành tích cực: Các bị cáo Lương Văn T, Vi Văn T, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2 là người được bị cáo Q hoặc người khác rủ rê, sau đó đều tích cực tham gia vào việc đuổi bắt, giết và xẻ thịt trâu; một số bị cáo mang theo dao, trực tiếp dùng giao giết Trâu. Hành vi của nhóm bị cáo này giữ vai trò thực hành tích cực, quyết định đến việc hoàn thành tội phạm. Nên các bị cáo chịu hình phạt ngang nhau và thấp hơn bị cáo Quý, bị cáo X và bị cáo Đình.

[4.3] Nhóm bị cáo thực hành với mức độ trung bình: Lương Văn N, Hà Văn N, Lữ Văn A, Vi Văn T, Hà Văn P, Lữ Văn P1 (1994). Đây là nhóm bị cáo được rủ rê, tự nguyện tham gia; hành vi chủ yếu là ssphụ giúp giết mổ, vận chuyển thịt và chia thịt. Các bị cáo đều trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm, nên giữ vai trò đồng phạm thực hành ở mức độ trung bình, chịu hình phạt thấp hơn các nhóm trên.

[4.4] Nhóm bị cáo tiêu thụ tài sản: Hai bị cáo Lữ Văn T và Lữ Văn P2 (1976) không tham gia vào việc trộm trâu, chỉ khi các bị cáo khác mang thịt trâu về chia, hai bị cáo mới biết đây là tài sản do trộm mà có, nhưng vẫn giúp chia và

nhận phần thiệt về sử dụng. Tuy nhiên, giá trị tài sản nhận nhỏ nên vai trò của các bị cáo này là thấp nhất trong vụ án và chịu hình phạt thấp nhất.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình gây ra, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, đầu thú về hành vi phạm tội của mình, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, đều thuộc hộ nghèo, trình độ nhận thức thấp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Vi Văn T là người khuyết tật nặng ngoài các tình tiết giảm nhẹ trên còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà Căn cứ Điều 65 của Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Lữ Văn Q, Lô Văn X, Lương Văn T, Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2, Lữ Văn A, Lữ Văn P1 (1994), Vi Văn T, Hà Văn P, Lương Văn N, Hà Văn N.

Căn cứ điều 36 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo Lữ Văn P2 và Lô Văn T được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đã đủ nghiêm.

[7] Hình phạt bổ sung: Gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo và hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là bà Vi Thị K với số tiền 65.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu gì về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát đối với mức hình phạt của Lữ Văn Q, Lô Văn X, Vi Văn Đ, Lương Văn T, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2 là phù hợp. Đề nghị của người bào chữa là thấp.

Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo các bị cáo Vi Văn T, Lữ Văn A; Lữ Văn P1 (1994), Vi Văn T, Hà Văn P, Lương Văn N, Hà Văn N. Do hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt nhẹ hơn án treo và chưa bảo đảm tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, nên HĐXX không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và tuyên hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo này.

[10] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 162,9 kg (Một trăm sáu mươi hai phẩy chín kilogam) thịt động vật (thịt trâu) do các bị cáo giao nộp, vẫn còn giá trị sử dụng thuộc quyền sở hữu của gia đình bị hại, cơ quan CSĐT điều tra đã trả lại cho bà Vi Thị K; Đối với 01 (Một) xe mô tô, màu đỏ, biển kiểm soát 37G1-013.06, thu giữ của bị cáo Lữ Văn P1 (1994). Xe mô tô này do P1 mượn của ông B để làm phương tiện đi lại, ông Bằng không biết việc Phương sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe nói trên cho chủ sở hữu là ông Vi Văn B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước những chiếc điện thoại các bị cáo đã sử dụng để liên lạc rủ nhau tham gia việc trộm trâu: 01 chiếc điện thoại của Lữ Văn P1 (1994) và 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Vi Văn Đ; 01 (Một) điện thoại di động của Lương Văn N; 01 (Một) điện thoại di động của Vi Văn Đ1; 01 (Một) điện thoại di động của Hà Văn N; 01 (Một) điện thoại di động của Lương Văn T; 01 (Một) điện thoại của Lữ Văn P2; 01 (Một) điện thoại di động của Vi Văn T; 01 (Một) điện thoại di động của Vi Văn Đ2; 01 (Một) điện thoại di động của Lữ Văn Q; 01 (Một) điện thoại di động của Lữ Văn A; 01 (Một) điện thoại di động của Lương Văn Q.

- Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô thu giữ của Lương Văn N; 01 (Một) xe mô tô của anh Lữ Văn A; 01 (Một) xe mô tô của anh Lương Văn Q; 01 (Một) xe mô tô của Lương Văn T; 01 (Một) xe mô tô của Vi Văn Đ; 01 (Một) xe mô tô của Hà Văn P; 01 (Một) xe mô tô của Vi Văn Đ2 ; 01 (Một) xe mô tô của Vi Văn Đ1; 01 (Một) xe mô tô của Vi Văn T. Đây là tài sản chung duy nhất có giá trị của vợ chồng các bị cáo để phục vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày của gia đình, vợ các bị cáo không biết việc các bị cáo sử dụng xe đi trộm trâu. Gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy cần trả lại cho các bị cáo.

- Cần tịch thu tiêu hủy 09 con dao là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng thu giữ của các bị cáo Lương Văn N, Lữ Văn Q, Lương Văn T, Lữ Văn P1 (sinh năm 1994), Lương Văn Q, Vi Văn Đ2, Lữ Văn A, Vi Văn Đ1, Lô Văn X và 01 (Một) cân đồng hồ lò xo dùng để cân thịt trộm được của Hà Văn N.

[11] Án phí: Các bị cáo Lương Văn Q, Lữ Văn P1 (1994), Hà Văn P, Vi Văn Đ2, Lữ Văn A, Hà Văn N là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo; bị cáo Vi Văn T là người dân tộc thiểu số, bị khuyết tật và các bị cáo đều có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo trên. Buộc các bị cáo Lữ Văn Q, Lô Văn X, Vi Văn Đ, Lương Văn T, Vi Văn Đ1, Vi Văn T, Lữ Văn P2 (1976), Lô Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Lữ Văn Q 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Lô Văn X, 18 (*Mười tám*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Vi Văn Đ, 18 (*Mười tám*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

[3] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Lương Văn T, 15 (*Mười lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Vi Văn Đ1, 15 (*Mười lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Lương Văn Q, 15 (*Mười lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Vi Văn Đ2, 15 (*Mười lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

[4] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm p,b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Vi Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

[5] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Lương Văn N, 12 (*Mười hai*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư*) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Hà Văn N, 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Lữ Văn A, 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Vi Văn T, 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Hà Văn P, 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

- Bị cáo Lữ Văn P1, 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2025).

Giao các bị cáo Lữ Văn Q, Lô Văn X, Lương Văn T, Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn Đ1, Lương Văn Q, Vi Văn Đ2, Lữ Văn A, Lữ Văn P1 (1994), Vi Văn T, Hà Văn P, Lương Văn N, Hà Văn N cho UBND xã Q, tỉnh Nghệ An nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[6] Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ Bị cáo Lô Văn T, 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án. Thời gian Cải tạo không giam giữ được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày.

+ Bị cáo Lữ Văn P2 (1976), 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án. Thời gian Cải tạo không giam giữ được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày từ ngày 27/6/2025 đến ngày 06/7/2025, cứ 01 ngày tạm

giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày.

Giao các bị cáo Lô Văn T và Lữ Văn P2 (1976) cho chính quyền UBND xã Q, tỉnh Nghệ An phối hợp cùng với gia đình theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lữ Văn Phương và bị cáo Lô Văn T.

[7] Xử lý vật chứng:

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy :

- 01 con dao, dài 40 cm, lưỡi dao bằng kim loại, sắc gọn, dài khoảng 30 cm, cán dao bằng gỗ, dài khoảng 10 cm, đã qua sử dụng thu giữ của Lương Văn N

- 01 (Một) con dao dài khoảng 40cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 25cm, nơi rộng nhất khoảng 4cm, sắc một bề, mũi dao nhọn, phần cán dao bằng gỗ hai đầu có bọc kim loại, vỏ dao bằng gỗ dài khoảng 30cm, đã qua sử dụng, thu giữ của Lữ Văn Q.

- 01 (Một) con dao bằng kim loại, màu đen, loại dao đầu bằng, tổng chiều dài 47cm, phần lưỡi dao có một cạnh sắc dài 34cm, phần cán dao bằng gỗ hai đầu có bọc kim loại, đã qua sử dụng, thu giữ của Lương Văn T.

- 01 (Một) con dao dài khoảng 40cm, có lưỡi dao bằng kim loại, cạnh dao sắc gọn bọc bằng gỗ, dài khoảng 25cm, cán làm bằng kim loại có bọc gỗ, dài khoảng 15cm, thu giữ của Lữ Văn P1 (sinh năm 1994).

- 01 (Một) con dao dài khoảng 50cm, có lưỡi dao bằng kim loại, cạnh dao sắc gọn, dài khoảng 35cm, cán làm bằng gỗ, dài khoảng 15cm, vỏ dao được làm bằng gỗ dài khoảng 35cm, đã qua sử dụng, thu giữ của Lương Văn Q.

- 01 (Một) con dao bằng kim loại, màu đen, loại dao đầu bằng, tổng chiều dài 48cm, phần lưỡi dao có một cạnh sắc dài 34cm, phần cán dao bằng gỗ, hai đầu có bọc kim loại, đã qua sử dụng, thu giữ của Vi Văn Đ2.

- 01 (Một) con dao bằng kim loại, màu đen, loại dao đầu bằng, tổng chiều dài 50cm, phần lưỡi dao có một cạnh sắc gọn dài 37,5cm, phần cán dao bằng gỗ, hai đầu có bọc kim loại, đã qua sử dụng, thu giữ của Lữ Văn A.

- 01 (Một) con dao bằng kim loại màu đen, loại dao đầu bằng, dài 45cm, phần lưỡi dao có một mặt sắc dài 32cm, lưỡi dao vị trí rộng nhất 5cm, phần cán dao bằng gỗ hai đầu có bọc kim loại, đã qua sử dụng, thu giữ của Vi Văn Đ1.

- 01 (Một) con dao bằng kim loại màu đen dài khoảng 40cm, lưỡi dao dài khoảng 25cm, sắc một bên, mũi dao bằng, cán dao dài khoảng 15cm, đã qua sử dụng, thu giữ của Lô Văn X.

- 01 (Một) cân đồng hồ lò xo, loại cân 30kg, nhãn hiệu "SAIGON", màu X , đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng cụ thể, thu giữ của Hà Văn N.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự , tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5i, màu X , đã qua sử dụng cho bị cáo Lữ Văn Phương (1994) và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1811, màu X , màn hình điện thoại bị vỡ nhiều vị trí, đã qua sử dụng cho bị cáo Vi Văn Đ; 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu ViVo 1915, màu X , đã qua sử dụng của Lương Văn N; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu vàng, mặt kính phía sau lưng điện thoại bị vỡ nhiều vị trí, đã qua sử dụng của Vi Văn Đ1; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C53, màu đen, màn hình điện thoại bị vỡ nhiều vị trí, đã qua sử dụng của Hà Văn N; 01(Một) điện thoại di động, nhãn hiệu ViVo 1820, màu X đen, đã qua sử dụng của Lương Văn T; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Redmi 9C, màu cam, màn hình điện thoại bị vỡ nhiều vị trí, đã qua sử dụng của Lữ Văn Phương; 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu ViVo, màu hồng nhạt, đã qua sử dụng của Vi Văn T; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16, màu đen, màn hình điện thoại bị vỡ nhiều vị trí, đã qua sử dụng của Vi Văn Đ2; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, màu đen, đã qua sử dụng của Lữ Văn Q; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IQOO, màu X tím, đã qua sử dụng của Lữ Văn A; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme Note60, màu đen, đã qua sử dụng, của Lương Văn Q.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại:

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đen, biển kiểm soát 37X8-0753, đã qua sử dụng cho Lương Văn N, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển kiểm soát 37G1-13382, đã qua sử dụng cho Lữ Văn A, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, màu X nhạt, biển kiểm soát 37G1-11471, đã qua sử dụng, cho Lương Văn Q, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu đỏ đen, biển kiểm soát 37G1-132.09, đã qua sử dụng cho Lương Văn T, sinh năm 1977 Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đỏ đen, biển kiểm soát 37G1-082.94, xe đã qua sử dụng cho Vi Văn Đ, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại sirius RC, biển kiểm soát 37X4-4692, màu sơn đen, xe đã qua sử dụng cho Hà Văn P, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu đen, biển kiểm soát 37G1-776.84, đã qua sử dụng cho Vi Văn Đ2, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, màu đen bạc, biển kiểm soát 37N8-6866, đã qua sử dụng cho Vi Văn Đ1, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 37Z2-8552, đã qua sử dụng của anh Vi Văn T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Nghệ An.

Đặc điểm và tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận ngày 13/10/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10, tỉnh Nghệ An.

[8] Án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn, giảm nộp, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lương Văn Q, Lữ Văn P1 (1994), Hà Văn P, Vi Văn Đ2, Lữ Văn A, Hà Văn N, bị cáo Vi Văn T.

Các bị cáo Lữ Văn Q, Lô Văn X, Vi Văn Đ, Lương Văn T, Vi Văn Đ1, Vi Văn T, Lương Văn N, Lữ Văn P2 (1976), Lô Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/11/2025). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKS khu vực 10 –Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- UBND xã Q;
- Sở Tư Pháp Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Huyền Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cù Đức Hùng

Lang Văn Hải

Lương Huyền Anh